

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 337/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị N, sinh năm: 1993.

- Bị đơn: Anh D, sinh năm: 1990.

Cùng địa chỉ: Tổ 29, khu phố 2, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 110, Điều 115, Điều 116 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị N và anh D.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu D, sinh ngày: 22/12/2016 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Chị N cấp dưỡng nuôi cháu D số tiền là 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày anh D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị N nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí DSST về ly hôn và 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí DSST về cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 009687 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Đồng Nai (Nay là thành phố K). Chị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Long K;
- Chi cục THADS TP. K;
- UBND phường X (Số: 10/2013);
- Lưu hồ sơ; AV.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai